

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HSPT
Ngày: 05/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông K’Tiêng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Cảnh và ông Lương Đức Dương.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Trung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tô Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/TLPT-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo Trương Văn T + 1 bị cáo do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 54/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXPT – HS ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Văn T: sinh năm 1992 tại tỉnh Đắk Nông; nơi đăng ký HKTT: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc Kinh; Tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Trương Văn Tr1, sinh năm 1956 và bà Đoàn Thị L, sinh năm 1960; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/4/2018, sau đó đến ngày 12/4/2018 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

2. Từ Mộng Đ, sinh năm 1984 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký HKTT tại: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Từ Mộng A, sinh năm 1958 và bà Phan Thị Nh, sinh năm 1963, có vợ Trần Thị T, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2015; bị bắt tạm giữ từ ngày 07/4/2018, sau đó đến ngày 13/4/2018 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn T: ông Võ Cao Th – Luật sư Công ty L thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt

- *Người bị hại:* Anh Bùi Đình M, sinh năm 1996; địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Hoài Tr, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Lương Hồng Ph, sinh năm 1993; Địa chỉ: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 05/4/2018 đến 02 giờ 00 phút, ngày 06/4/2018, Trương Văn T, Từ Mộng Đ và Bùi Đình M đánh bạc tại nhà Nguyễn Thị H, trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình đánh bạc Bùi Đình M đã cầm cố chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 48 E1 – 177.59 cho Trương Văn T với giá 20.000.000 đồng.

Đến 10 giờ, ngày 06/4/2018, Trương Văn T, Từ Mộng Đ và Bùi Đình M thuê xe taxi biển kiểm soát 48A – 046.23 của anh Lương Hồng Ph, chở đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Hoài Tr ở thị trấn Đ, huyện Đ, tại đây anh Tr nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 48 E1 – 177.59 của M với giá 27.000.000 đồng, nhưng do trước đó M đã cầm cố giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 48 E1 – 177.59 với giá 1.300.000 đồng, vì vậy anh Tr viết biên lai cầm đồ và chỉ giao 25.7000.000 đồng cho Bùi Đình M.

Sau đó Trương Văn T yêu cầu Bùi Đình M trả tiền nợ, nhưng M lại yêu cầu T phải trả lại điện thoại cho M, do M đã cầm cố vào ngày 02/4/2018 cho T và T lại cầm cố cho đối tượng không rõ nhân thân lai lịch. Vì vậy Trương Văn T yêu cầu anh Lương Hồng Ph chở Trương Văn T, Từ Mộng Đ, Bùi Đình M đi đến sân bóng thôn 04, xã Đắk ND'Rót để chuộc điện thoại cho M. Tại đây, Bùi Đình M đưa 4.000.000 đồng cho Trương Văn T để gặp đối tượng cầm điện thoại chuộc lại, tuy nhiên đối tượng cầm điện thoại đòi thêm 200.000 đồng tiền lời, vì vậy Trương Văn T mượn anh Lương Hồng Ph 200.000 đồng để trả cho người cầm điện thoại. Khi chuộc được điện thoại Trương Văn T quay lại xe taxi trả cho Bùi Đình M và nói Lương Hồng Ph chở về thị trấn Đắk Mil, trên đường đi Trương Văn T tiếp tục yêu cầu Bùi Đình M trả 20.000.000 đồng nợ nhưng Bùi Đình M không đồng ý, thì Trương Văn T dùng tay đánh nhiều cái vào mặt của Bùi Đình M, đồng thời Trương Văn T rút 01 con dao (*loại dao bấm bằng kim loại màu trắng có chữ USA ở lưỡi dao, cán dao dài 10 cm, rộng 02 cm, lưỡi dao dài 8.5 cm, rộng 1.8 cm*) trong túi quần ra đe dọa Bùi Đình M phải trả tiền cho Trương Văn T.

Thấy Trương Văn T dùng dao đe dọa Bùi Đình M thì Từ Mộng Đ ngăn cản nên Trương Văn T bỏ dao vào túi quần rồi tiếp tục dùng tay và chiếc mũ cối màu xanh lá cây của Bùi Đình M đang đội và đập nhiều cái vào đầu Bùi Đình M cho đến khi Bùi Đình M không còn phản ứng, Trương Văn T giữ hai tay và nói Từ Mộng Đ lấy tiền trong túi quần của Bùi Đình M, Từ Mộng Đ lấy tiền và đếm được 21.700.000 đồng thì Trương Văn T nói lấy 18.000.000 đồng cho lại Bùi Đình M 2.000.000 đồng, Từ Mộng Đ đếm lấy 18.000.000 đồng và nhét 3.7000.000 đồng vào túi quần Bùi Đình M. Sau khi Từ Mộng Đ lấy được tiền, Trương Văn T kéo Bùi Đình M ra khỏi xe taxi để nằm bên lề đường liên thôn thuộc bon Đ, xã Đ1 rồi lên xe taxi và yêu cầu Lương Hồng Ph điều khiển đến thôn 312, xã Đ1 để ăn cơm, tại quán cơm, Trương Văn T yêu cầu Từ Mộng Đ

đưa tiền lấy được của Bùi Đình M cho T rồi T lấy 5.000.000 đồng trả cho Đ (do T nợ Đ trước đó) còn lại 13.000.000 đồng Trương Văn T cất giữ. Sau khi ăn cơm xong, T tiếp tục yêu cầu Lương Hồng Ph chở đến xã Đắc Mol, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, đối với Bùi Đình M sau đó được nhân dân phát hiện và đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ. Đến 23 giờ 00 phút, ngày 06/4/2018 Từ Mộng Đ đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đầu thú.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 165/TgT ngày 15/5/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Đăk Nông kết luận: Bùi Đình M bị sưng nề vùng mũi trong do tác động trực tiếp của vật tày, không xác định được tỷ lệ thương tích.

Tại bản án số 54/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Đ đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T và Từ Mộng Đ phạm tội “Cướp tài sản”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn T 08 năm tù. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Từ Mộng Đ 05 năm tù.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

- Ngày 07/12/2018, các bị cáo Trương Văn T, Từ Mộng Đ kháng cáo xin giảm mức hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự 2015 năm là đúng, không oan.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày: hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ lỗi của người bị hại anh M, không trả nợ và có hành vi thách thức làm cho bị cáo bị kích động theo điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo T, áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn T 07 năm 06 tháng tù. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Từ Mộng Đ.

Các bị cáo không bào chữa gì chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1]. Vào khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 06/4/2018 tại bon Đ, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; xuất phát từ việc Trương Văn T đòi nợ nhưng anh Bùi Đình M không trả, Trương Văn T đã có hành vi dùng tay, dao, mũ cối để đánh và đe dọa làm cho anh M lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt số tiền 18.000.000 đồng, đối với Từ Mộng Đ là người ngồi cùng xe, khi anh M bị đánh và không chế, Đ đã có hành vi giúp sức cho T lấy tiền trong túi của anh M. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt các bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” với tình tiết “*Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T, Đ, xét thấy: Mức hình phạt 08 năm tù đối với bị cáo T và 05 năm tù đối với bị cáo Đ mà cấp sơ thẩm đã tuyên là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ vi phạm của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo T và Đ xuất phát từ một phần lỗi của anh Bùi Đình M, nợ tiền và đang có tiền nhưng không có ý thức trả cho bị cáo T; sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Đ đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 13.700.000 đồng và được anh M làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới: bị cáo và gia đình đã tự nguyện thi hành án, bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho anh M, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, quan điểm đề nghị của Luật sư và Kiểm sát viên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trương Văn T là có căn cứ chấp nhận; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Từ Mộng Điệp là không có căn cứ chấp nhận. Từ những phân tích, nhận định trên, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Văn T và Từ Mộng Đ, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Văn T và Từ Mộng Đ, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn T 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 06/4/2018.

3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Từ Mộng Đ 04 năm tù về tội

“Cướp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 07/4/2018.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đắk Nông;
- CA huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: THCTP, HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

K’Tiêng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Cảnh Lương Đức Dương

K'Tiêng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG
Toà Hình sự

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐỀ XUẤT

Vụ án: Trương Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm về tội
“*Cướp tài sản*” theo điểm khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 14/3/2019, Trương Văn T mang theo một mũ bảo hiểm, một biển số xe máy 81T1 – 107.36 và một số tư trang cá nhân bỏ vào túi xách rồi cầm theo một tuốc nơ vít để trong túi quần, với mục đích là trộm cắp xe máy. Sau đó,

Bình mang túi xách ra cất giấu ngoài nương thoát nước, cách nhà 100 mét, rồi đi nhờ xe của một người đàn ông, đi ra trường cấp 3 Nguyễn Tất Thành, thuộc thôn Quảng Chánh, xã Nghĩa Thắng, vì Bình nghĩ ở trường có nhiều xe máy để sơ hở để trộm cắp. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, thì học sinh trường Nguyễn Tất Thành tan trường ra về, Bình thấy Nguyễn Văn Phú là hàng xóm của Bình, nên Bình nói Phú lấy xe chở Bình về. Khoảng 30 phút sau, Phú lấy xe EXCITER màu xanh, trắng ra cổng trường Nguyễn Tất Thành đón Bình. Bình bảo Phú đưa xe cho Bình điều khiển. Khi đi qua cổng trường khoảng 100 mét thì Bình thấy tại đường luồng ở bên trái đường có một số xe máy đang dừng, không có người trông coi. Thấy vậy, Bình quay xe máy lại và chạy thẳng vào chỗ có mấy chiếc xe máy đang dừng, Bình dựng xe máy của Phú bên cạnh một chiếc xe máy EXCITER màu trắng – xanh, BKS 48H1 – 015.13. Sau đó, Bình đưa chìa khóa xe máy cho Phú, cả hai vào tiệm internet, Bình nói với Phú: “*Vào chơi đi*”, Bình quay ra tìm xe để trộm cắp. Bình đến chỗ chiếc xe EXCITER BKS 48H1 – 015.13, lấy tước nơ vít trong túi quần ra, cắm vào ổ khóa và phá khóa chiếc xe máy trên rồi nổ máy chạy về sang Lâm Đồng để đi về thành phố Hồ Chí Minh. Đi được 05 km, Bình chạy xe vào một rẫy cà phê ven đường rồi tháo BKS 48H1 – 015.13 thay vào BKS 81T1 – 107.36 nhằm tránh sự phát hiện của Công an. Sau đó, Bình tiếp tục điều khiển xe về tỉnh Lâm Đồng. Khi đi được 20km thì gặp một chốt chặn của bộ đội chặn lại nên Bình tăng ga bỏ chạy, chạy khoảng 500 mét, Bình vút xe lại ven đường và chạy bộ vào rừng. Bình chạy vào nhà dân gần đó để tránh sự truy đuổi thì bị Công an bắt giữ.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 15/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: xe máy EXCITER màu trắng – xanh, BKS 48H1 – 015.13 tại thời điểm xảy ra sự việc có giá là 30.000.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BẢN ÁN SƠ THẨM:

Tại bản án số 10/2019/HSST ngày 5/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trương Văn Tphạm tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trương Văn T02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng nghị.

Ngày 16/7/2019, bị cáo Trương Văn Tkháng nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH:

Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trương Văn T về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét nội dung kháng nghị xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Văn T, xét thấy: Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt bị cáo Trương Văn T02 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Vì vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng nghị của người bị hại mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng nghị không được chấp nhận nên bị cáo Trương Văn T phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

ĐỀ XUẤT:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng nghị của người bị hại Trương Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trương Văn T02 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: bị cáo Trương Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Đ/c Chánh án;
- Các Đ/c phó Chánh án;
- Đ/C chánh tòa HS;
- Các Thẩm phán.

NGƯỜI ĐỀ XUẤT

PHAN QUANG TRUNG